

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày 20 – 8 – 2024
“V/v tranh chấp về hợp đồng
góp họ (hụi).”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST-DS ngày 30/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Tuyết L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 và chị Võ Thị Đ, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh D và chị Đ vắng mặt lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Phùng Thị Tuyết L trình bày yêu cầu như sau:

Nguyên trước đây vào ngày 04/4/2020 âm lịch thì anh Nguyễn Văn D có tổ chức chơi hụi trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng)/01 chân hụi, mỗi tháng xỏ 01 lần, có 40 người tham gia chơi hụi, chị Tuyết L tham gia chơi 01 chân hụi, chị L đóng

hội đầy đủ đến lần thứ 38 thì chị hốt hụi (vào ngày 04/5/2023), chị hốt hụi được 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng), trước đó chị L thiếu anh D 52.200.000đ, chị L cần trừ vào số tiền nợ anh D xong thì còn lại 61.800.000đ (Sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó ngày 15/12/2023 thì chính quyền ấp X có hòa giải giữa chị L và anh D, tại phiên hòa giải thì anh D thừa nhận còn nợ lại chị L số tiền 59.900.000đ và hứa trả mỗi tháng 3.000.000đ nhưng chị L không đồng ý, chị L yêu cầu mỗi tháng trả 15.000.000đ, hòa giải không thành nên chị L khởi kiện ra Tòa án.

Nay chị L yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn D trả số tiền còn nợ là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị đơn anh Nguyễn Văn D và chị Võ Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 59.900.000đ. Tại phiên tòa chỉ yêu cầu anh D có nghĩa vụ trả số tiền 59.900.000đ. Còn đối với anh D1 và chị Đ vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thiên ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị Tuyết L yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả số tiền còn nợ là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo Điều 471 BLDS. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ liên đới với anh D1 trả số tiền 59.900.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện A theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu anh D, chị Đ trả số tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng anh D chị Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Chị L yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh D có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ hụi còn lại là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), không yêu cầu chị Đ cùng có trách nhiệm trả nợ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D đến Tòa án để hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản hòa giải tại ấp X vào ngày 15/12/2023 thể hiện nội dung là anh D thừa nhận còn nợ lại chị L số tiền nợ hụi là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) và hứa trả mỗi tháng 3.000.000đ nhưng chị L không đồng ý, chị L yêu cầu mỗi tháng trả 15.000.000đ, hòa giải không thành nên chị L khởi kiện ra Tòa án. Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ là xác minh thành viên tổ hòa giải ngày 15/12/2023 của ấp X và họ khẳng định nội dung trong biên bản hòa giải là đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc tham gia chơi hụi giữa chị L và anh D là có thật và anh D còn nợ lại chị L số tiền là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận, nên cần buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phùng Thị Tuyết L số tiền nợ hụi là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Riêng đối với chị Đ, tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 59.900.000đ cùng với anh D. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ với anh D.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Tuyết L buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Phùng Thị Tuyết L số tiền nợ hụi 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Về lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu nên không xen xét giải quyết.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí của vụ án: $59.900.000đ \times 5\% = 2.995.000đ$ (Hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho chị Phùng Thị Tuyết L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, họ, họ, họ, họ; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Tuyết L về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả số tiền nợ họ là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Phùng Thị Tuyết L số tiền là 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với nguyên đơn chị Phùng Thị Tuyết L yêu cầu chị Võ Thị Đ có nghĩa vụ liên đới cùng với anh Nguyễn Văn D trả số tiền nợ họ 59.900.000đ (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí vụ kiện:

Buộc anh Nguyễn Văn D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.995.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Chị Phùng Thị Tuyết L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.545.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006638 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Thị Gấm